

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ "TRƯỜNG MẦM NON THÂN YÊU CỦA BÉ"

(Số tuần: 4 tuần từ ngày 08/9/2025 đến ngày 03/10/2025)

Độ tuổi	Số thứ tự	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh, bổ sung
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
3	1	- Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	* 3, 4, 5 T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.	* Hoạt động học - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.	
4	2	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.	- Chân: + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. - Lưng, bụng, lườn. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	
5	3	- Trẻ biết thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.		- Tay: + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân.	+ Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
3	4	- Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x0,2m) + Đi kiễng gót	* 4, 5 T: - Đi và chạy: + Đi khuyu gối.	- Đi và chạy: + Đi trong đường hẹp.	* Hoạt động học - 3 T: Đi trong đường hẹp. - 4, 5 T: Đi khuyu gối. + TCVD: Kéo co.	

		liên tục 3m.				
4	5	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Trẻ đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.				
5	6	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng 1 chân và giữ người trong 10 giây.				
3	10	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách	* 4, 5 T - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt.	- Tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng một tay.	* Hoạt động học - Ném xa bằng một tay. + TCVD: Bịt mắt bắt dê. * Hoạt động học - 3 T: Tung bắt bóng với	

		2,5m). + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).			cô. - 4, 5 T: Tung bóng lên cao và bắt. + TCVD: Mèo đuổi chuột.	
4	11	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Trẻ tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m). + Trẻ ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). + Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.				
5	12	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m). + Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m). + Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.				
3	13	- Trẻ biết thể		- Bò, trườn,	* Hoạt động	

		hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.		trèo: + Bò theo hướng thẳng.	học - 3 T: Bò theo hướng thẳng. - 4 T: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - 5 T: Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. + TCVD: Lộn cầu vòng.	
4	14	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây + Trẻ ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Trẻ bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.		- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.		
5	15	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập		- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m.		

		tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây. + Ném trúng đích đứng (cao 1,5m xa 2m). + Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.				
3	16	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	* Hoạt động chơi - Tết tóc cho búp bê. - Gập giấy tạo thành các đồ chơi, đồ dùng quen thuộc.	
4	17	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: + Trẻ cuộn - xoay tròn cổ tay. + Trẻ gập, mở các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng các ngón tay, vê véo vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi - Gập giấy.		
5	18	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
3	37	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	* 3, 4, 5 T: - Tập luyện một số thói		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân	

		khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi....	quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - <i>Thực hiện hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống. Trẻ học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi lịch sự khi ăn uống.</i>		- Hoạt động ăn trưa: Giới thiệu món ăn, bữa ăn cho trẻ, nhắc trẻ trước khi ăn mời cô mời bạn, trong khi ăn nhai kĩ, hướng dẫn trẻ cách cầm thìa, xúc cơm không làm rơi vãi cơm, thức ăn.	
4	38	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau..... + Không uống nước lã.				
5	39	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.		- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.		
3	40	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	* 3, 4, 5 T: - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm * 4, 5 T: - Lợi ích của	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.	* Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi; chơi ngoài trời.	

		+ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần</i> -> <i>quyền của trẻ em đối với nhu cầu được chăm sóc, chẳng hạn như ăn, ngủ và nuôi dưỡng.</i>		* Hoạt động lao động - Vệ sinh lớp, sân trường, lau dọn bàn ghế, các góc chơi. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Vệ sinh trước và sau khi ăn.	
4	41	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.		- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.		
5	42	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc		- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân		

		trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, hoặc sốt... - Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.		và cách phòng tránh.		
--	--	--	--	----------------------	--	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

3	67	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	* 3, 4, 5 T: - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	- Thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục khác.	* Hoạt động học - Trò chuyện về đồ dùng, đồ chơi.	
4	68	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.		
5	69	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

3	82	- Trẻ biết đếm trên các đối		- Đếm trên đối tượng trong	* Hoạt động học	
---	----	-----------------------------	--	----------------------------	------------------------	--

		tượng giống nhau và đếm đến 5.		phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều.	- 3, 4 T: 1 và nhiều. - 5 T: Ôn nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	
4	85	- Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
	86	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
5	88	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
	89	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
3	97	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	* 3, 4 T - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. * 4, 5 T	- Xếp xen kẽ.	* Hoạt động chơi - Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.	
4	98	- Trẻ nhận ra	- So sánh,			

		quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.			
5	99	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.		- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.		
	100	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
	101	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.				
c) Khám phá xã hội						
3	122	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 4, 5 T: - Các hoạt động của trường.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ ở trường.	* Hoạt động chơi - Chơi trong hoạt động góc: Góc xây dựng; góc học tập. * Hoạt động học - Trò chuyện về trường mầm non của bé. * Hoạt động học - Trò chuyện về lớp mầm non của bé.	
4	123	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên địa chỉ của trường lớp.		
	124	- Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò		- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.		

		chuyện.				
	125	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn		
5	126	- Trẻ nói được tên và địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.		
	127	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
	128	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Đặc điểm, sở thích của các bạn.		
3	132	- Trẻ biết kể tên được một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu ... qua trò chuyện, tranh ảnh.	* 4, 5 T: - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	- Tên các ngày lễ hội của địa phương.	* Hoạt động học - Trò chuyện về một số hoạt động ở trường mầm non.	
4	134	- Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.				

5	136	- Trẻ biết kể tên được một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên".				
---	-----	--	--	--	--	--

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

3	147	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i>	- Phát âm các tiếng của tiếng việt.	* Hoạt động chơi	
4	148	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Trò chuyện với trẻ trong các hoạt động hàng ngày.	
5	149	- Trẻ kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- <i>Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển (các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của</i>	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	* Hoạt động học - Hoạt động tăng cường tiếng việt: Trường mầm non, cô giáo, các bạn. Rửa tay, xếp hàng, giờ tay. Thể dục, học, chơi. Ăn, ngủ, đi vệ sinh. Bạn trai, bạn gái, nắm tay. Hát, kể truyện, đọc thơ. Bút màu, bút chì, đất nặn. Cái bát, cái thìa, cái cốc.	
4	157	- Trẻ biết kể	- <i>văn hóa của</i>	- Kể lại sự		

		lại sự việc theo trình tự.	<i>trẻ.</i>	việc có nhiều tình tiết.		
5	158	- Trẻ biết miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.		- Kể lại sự việc theo trình tự.		
3	159	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....	* 3, 4, 5 T: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		* Hoạt động học - Thơ: Nghe lời cô giáo.	
4	160	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		* Hoạt động chơi - Đồng dao: Dung dăng dung dẻ, nu na nu nống.	
5	161	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, ca dao...				
3	162	- Trẻ biết kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	* 3, 4, 5 T: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	* Hoạt động học - Truyện: Món quà của cô giáo.	
4	163	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Kể lại truyện đã được nghe.		
5	164	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện		- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.		
3	168	- Trẻ biết sử	* 3, 4 T:		* Hoạt động	

		dụng được các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa"... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - <i>Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân xưng; sử dụng từ, câu biểu thị lịch sự, lễ phép; lắng nghe; khởi xướng; luân phiên; điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống giao tiếp.</i>		ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Hoạt động ăn trưa: Trẻ biết mời cô, mời bạn, xin cơm. * Hoạt động chơi - Trẻ sử dụng các từ trong "Vâng ạ", "Cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép" trong khi chơi.	
4	169	- Trẻ biết sử dụng được các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp				
5	170	- Trẻ biết sử dụng các từ: "Cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"... phù hợp với tình huống.				
3	184	- Trẻ biết thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	* 4, 5 T: - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	* Hoạt động học - Làm quen với chữ cái o, ô, ơ. - Tập tô, đồ chữ cái o, ô, ơ.	
4	185	- Trẻ biết sử dụng được kí hiệu để "viết" tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.		- Nhận dạng một số chữ cái.		
5	186	- Trẻ biết nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái.		
	187	- Trẻ biết tô, đồ các nét, sao chép kí hiệu, chữ cái tên của mình		- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái tên của mình.		

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

58	3	- Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích. - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	* 3, 4 T - Tên, tuổi, giới tính. * 4, 5 T - Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ - liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>	- Những điều bé thích, không thích.	* Hoạt động chơi - Trò chuyện, cho trẻ thực hiện các hoạt động hàng ngày.	
59	4	- Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).				
60	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong lớp học. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.		
61		- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và				

		khác bạn (dáng vẽ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).				
3	218	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	<i>* 3, 4, 5 T</i> <i>- Khu vực an toàn của trường học/nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> <i>- Khu vực an toàn/nơi sơ tán gần trường học nhất.</i>	- Chơi hòa thuận với bạn.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Khi ăn không nói chuyện. * Hoạt động lao động - Biết làm những việc đơn giản.	
4	219	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	<i>* 3, 4 T</i> <i>Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).</i> <i>* 4, 5 T</i> <i>- Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ).</i>	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Biết cất đồ dùng sau khi chơi.	
5	220	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông, bà, bố, mẹ anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	<i>- Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/địa phương) có thể giúp đỡ nhau, mang lại niềm vui cho nhau.</i>	- Quan tâm, chi sẻ, giúp đỡ bạn		
	221	- Trẻ biết	<i>* 4, 5 T:</i>	- Cử chỉ, lời	* Hoạt động	

3		chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	chơi - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video ... có sử dụng các từ lễ phép.	
	222	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói		- Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".		
4	223	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.				
	224	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.		- Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".		
	225	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.		- Chờ đến lượt, hợp tác.		
5	226	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lịch sự.		
	227	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".		
	228	- Trẻ biết chờ đến lượt.		- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		
3	229	- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	* 3, 4 T - Chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt.	* Hoạt động học - Trò chơi mới: + Tìm bạn thân. + Đố đờ chơi cho bạn. + Úp lá khoai.	
4	230	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt		- Chờ đến lượt, hợp tác.		

		động chung (chơi, trực nhật...).			+ Thi xem ai nhanh. - Hoạt động góc:	
5	231	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			+ Góc phân vai: Cô giáo, bán hàng, lớp học, gia đình. + Góc xây dựng:	
	232	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).			Xây vườn trường mùa thu. + Góc thiên nhiên: Tưới và chăm sóc cây cảnh. + Góc tạo hình: Vẽ và tô màu đồ dùng, đồ chơi của lớp, tô, vẽ trường MN. + Góc học tập: Xem tranh ảnh về trường MN.	
3	234	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	* 3, 4, 5 T - Giữ gìn vệ sinh môi trường. <i>- Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i>		* Hoạt động lao động - Nhổ cỏ vườn hoa, nhặt lá rụng bỏ đúng nơi quy định.	
4	237	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định				
5	240	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định				
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ						
3	243	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và	* 3, 4, 5 T: <i>- Mọi trẻ (không kể về giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...)</i>	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp các sự	* Hoạt động chơi - Cho trẻ hoạt động trong góc âm nhạc.	

		ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	<i>đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân</i>	vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
4	245	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	<i>và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.</i>	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
5	247	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt trước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.		- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
3	252	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	* 4, 5 T: - Hát đúng giai điệu lời ca thể hiện sắc thái, tình của bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	* Hoạt động học - Dạy hát: Em đi mẫu giáo, cô giáo, chào hỏi khi về nhà. - Nghe hát: Vườn trường	
4	253	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện				

		sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...			mùa thu, cô giáo miền xuôi, bàn tay cô giáo.	
5	254	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ.			- TCÂN: Ai nhanh nhất, nghe tiếng hát tìm đồ vật, những nốt nhạc vui.	
3	255	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	* 3, 4, 5 T: <i>- Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	* Hoạt động học - Vận động theo nhạc: Vui đến trường. - Nghe hát: Trường mẫu giáo yêu thương. - TCÂN: Tai ai tinh.	
4	256	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.		
5	257	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		
3	258	- Trẻ biết sử	* 3, 4, 5 T	- Sử dụng các	* Hoạt động	

		dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối. - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản - Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	<i>- Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i>	nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	chơi - Góc tạo hình. * Hoạt động học - Vẽ trường mầm non của bé. - Cắt dán trường mầm non. - Nặn quả bóng.	
4	259	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		

		thành các bức tranh có màu sắc và bố cục. - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Làm lồi, lõm, đục, bẻ, uốn, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.			
5	260	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé		

		tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		dan, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.		
3	266	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	* 4, 5 T: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	* Hoạt động học - Các hoạt động tạo hình trong chủ đề.	
4	267	- Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- <i>Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm</i>	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
5	268	- Trẻ nói lên		- Tìm kiếm,		

		được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	<i>nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ.</i>	lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
3	269	- Trẻ biết đặt tên các sản phẩm tạo hình.	* 3, 4, 5 T: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.		* Hoạt động học - Các hoạt động tạo hình trong chủ đề.	
4	270	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.				
5	271	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.				

I. MỞ CHỦ ĐỀ

- Đàm thoại, trò chuyện với trẻ về lớp học, trường mầm non (qua tranh ảnh). Có nhiều cô giáo, có nhiều bạn. Có nhiều đồ dùng, đồ chơi ở lớp.
- + Các lớp, các khu vực ở trong lớp, một số hoạt động trong trường mầm non.
- + Tên lớp, tên trường. Tên các cô giáo trong trường, lớp và công việc của các cô.
- Trò chuyện với trẻ về cách sử dụng, bảo quản, sắp xếp đồ dùng đồ chơi.
- Trò chuyện với trẻ về một số công việc trẻ cùng giúp cô làm.

II. CHUẨN BỊ

- Sưu tầm 1 số tranh ảnh về chủ đề trường mầm non.
- Hộet hạt các loại và đảm bảo an toàn.
- Tranh ảnh và đồ chơi của trẻ mẫu giáo.
- Vở tập tô, thẻ chữ cái. Các loại sách báo, tạp chí cũ.
- Giấy vẽ, bút chì, bút màu, phẩm màu, giấy màu, hồ dán, đất nặn, kéo, băng con.
- Tranh minh họa bài thơ: Nghe lời cô giáo. Truyện: Món quà của cô giáo.

III. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ

CHUYÊN MÔN DUYỆT

